

Bản án số: 78/2024/HC-PT
Ngày: 01-3-2024
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự

Các Thẩm phán: ông Phạm Tấn Hoàng

ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** bà Bùi Ngô Ý Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 233/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2023 về: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 136/2023/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Bà Phạm Thị B; Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Võ Quang H1; Địa chỉ: 131/15 Trần Quý Cáp, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: 01 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Đại T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B; Địa chỉ: 01 Lý Nam Đế, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Trương Văn C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và ông Võ Quang H2 – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Địa chỉ: 327 đường H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: 01 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Đại T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B; Địa chỉ: 01 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Địa chỉ: 327 đường H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Võ Quang H2 – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Địa chỉ: 327 đường H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: người khởi kiện bà Phạm Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Võ Quang H1 trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Đất nhà nước giao cho chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cao su Đắk Lắk – Nông trường cao su 30-4 ký hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với ông Phan Văn V1 theo hợp đồng số 200/94 HĐLK từ năm 1988 đến năm 2008, diện tích 1000m². Đến năm 2004 ông V1 mất, vợ ông là bà Phạm Thị B và các con của ông canh tác sử dụng từ đó cho đến khi nhà nước thu hồi đất.

Diện tích đo đạc thực tế tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 36 là 1045m² lớn hơn diện tích trong hợp đồng liên kết 45m² là do sai số giữa hai lần đo đạc. Diện tích đất thu hồi để làm dự án là 1045m² đất trồng cây lâu năm (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi tại Quyết định 450/QĐ-UBND ngày 04/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk).

Ngày 15/7/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 4654/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12, phường T, thành phố B. Nhà nước thu hồi thửa đất trên của gia đình bà B nhưng không thực hiện việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và các chính sách hỗ trợ cho gia đình bà theo quy định là thiếu sót; bởi lẽ:

Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Đất của gia đình bà B sử dụng có nguồn gốc là đất liên kết nhưng Ủy ban nhân dân thành phố không thực hiện hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình bà là chưa đúng quy định của pháp luật tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Đất đai.

Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất: Ủy ban nhân dân thành phố không thực hiện hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất cho gia đình bà B là chưa đúng quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Về bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại: đề nghị được bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và khoản 2 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng: Tại quyết định bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố B không xét đến việc hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, căn cứ khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019 ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung Điều 23 Quyết định số 39/2014 ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì gia đình bà B là đối tượng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật nhưng Ủy ban nhân dân thành phố không thực hiện bồi thường, hỗ trợ là thiếu sót làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà nên ngày 31/12/2022 bà B đã làm đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị lập lại phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và các khoản hỗ trợ khác theo đúng quy định của pháp luật. Sau đó, bà được biết Ủy ban nhân dân thành phố đã chuyển đơn của bà giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật, trả lời công dân (Công văn số 01/VP ngày 05/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B). Đến ngày 10/3/2023 bà B nhận được Công văn số 32/CV-TTPTQĐ trả lời đơn của bà với nội dung: Khẳng định các chính sách mà bà yêu cầu ở trên là không có cơ sở để xem xét đền bù, hỗ trợ.

Vì vậy, bà B làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 4654/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12, phường phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Hủy công văn số 32/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 về việc trả lời đơn của bà Phạm Thị B; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B – Ông Lê Đại Thắng trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Đất bà B đang sử dụng là đất nhà nước giao cho Công ty cao su Đắc Lắc (nay là Chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đắc Lắc – Nông trường 30/4) quản lý. Năm 1988, nông trường 30/4 giao đất cho cán bộ công nhân viên nông trường để trồng cà phê và ký hợp đồng liên kết nhưng không đầu tư về vốn, do hợp đồng liên kết bị lỗi đến năm 1994 nông trường ký lại hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với ông Phan Văn V1 theo hợp đồng số 200/94 HĐLK có thời hạn đến hết năm 2008 với diện tích 1000m². Đến năm 2004 ông V1 mất, vợ là bà Phạm Thị B canh tác từ đó đến nay.

Về bồi thường chi phí đầu tư vào đất: Tại thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc thu hồi đất (năm 2014) của Chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đắc Lắc – Nông trường 30/4 và thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ năm 2020 hộ bà B đang sử dụng đất nhưng không phải do nhận giao khoán vì hợp đồng liên kết hết hạn năm 2008, tuy nhiên hộ bà B vẫn canh tác, sử dụng đất nên không được bồi thường về chi phí đầu tư vào đất.

Về yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Căn cứ khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai quy định: “... *Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm đ khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định...*”. Tuy nhiên, hộ bà B thuộc đối tượng ký hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với nông trường 30/4. Hợp đồng liên kết trồng cây cà phê đã hết hạn từ năm 2008 và đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 04/3/2014. Tại thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất (năm 2014) của Chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đắc Lắc – Nông trường 30/4 và thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ năm 2020 hộ bà B đang sử dụng đất nhưng không phải là do nhận khoán vì hợp đồng liên kết đã hết hạn từ năm 2008 mà do chiếm đất nên không thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Cho nên không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng: Căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND “*Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo Điểm a, b Khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất*”. Tuy nhiên, hộ bà B là hộ hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với nông trường cao su 30/4 không phải là hộ

gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 30 Điều 3 Luật đất đai năm 2013.

Ngày 10/8/2020, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 5426/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng CSHT khu dân cư tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (đợt 1). Trong đó không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là đúng quy định.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị B.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B – Ông Võ Quang H2 trình bày:*

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B đồng ý với tất cả ý kiến trình bày của người đại diện Ủy ban nhân dân thành phố B, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị B.

Với nội dung trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 136/2023/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 66, Điều 69, Điều 76, Điều 84, Điều 204 Luật Đất đai 2013; Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B.

- Hủy một phần Quyết định số 4654/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (bên cạnh nhà máy bia và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh gha (đợt 3) đối với hộ bà Phạm Thị B.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất đối với hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm

việc làm đối với một nhân khẩu trong hộ bà Phạm Thị B theo quy định của pháp luật.

- Hủy toàn bộ Công văn số 32/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Phạm Thị B.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí của đương sự.

Kháng cáo

Ngày 19/9/2023, người khởi kiện bà Phạm Thị B nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất:

- Bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ bà Phạm Thị B theo quy định của pháp luật (không xác định đối với một nhân khẩu).

- Bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại;

- Bổ sung hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo qui định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất: hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ bà Phạm Thị B theo quy định của pháp luật (không xác định đối với một nhân khẩu).

Các nội dung kháng cáo khác, đề nghị không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc đất: hộ bà Phạm Thị B sử dụng thửa đất số 4, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.045m², có nguồn gốc là đất của Nhà nước giao cho Công ty cao su Đắc Lắc – Nông trường 30/4 (nay là chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đắc Lắc – Nông trường 30/4) ký hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với ông Phan Văn V1 theo hợp đồng số 200/94 HĐLK từ năm 1988 đến năm 2008, diện tích 1.000m².

Đến năm 2004 ông V1 mất, vợ là bà Phạm Thị B và con của ông canh tác sử dụng cho đến khi nhà nước thu hồi đất.

[2] Ngày 04/03/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND về việc thu hồi 173 ha đất tại địa bàn thành phố B của Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk – Nông trường cao su 30/4 giao cho Ủy ban nhân dân thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. Theo quyết định này thì hộ bà Phạm Thị B bị thu hồi 1.045m² đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án. Do đó, hộ bà B là đối tượng được xem xét để bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:

Gia đình bà Phạm Thị B sử dụng đất theo hợp đồng liên kết số 200/94 HDLK có thời hạn đến năm 2008. Năm 2014, Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất. Sau khi hợp đồng liên kết hết thời hạn vào năm 2008, từ thời điểm có quyết định thu hồi đất cho đến thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (năm 2021) thì hộ gia đình bà B vẫn sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 Luật đất đai 2013; Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì chi phí đầu tư vào đất còn lại là: *“Chi phí mà người sử dụng đất đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất nhưng đến thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất còn chưa thu hồi hết”*.

Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất hợp đồng giao khoán đã hết thời hạn vào năm 2008 nên việc sử dụng đất của hộ bà B không phải do nhận giao khoán. Chi phí đầu tư vào đất đã thu hồi hết theo thời hạn hợp đồng giao khoán. Do đó, yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại của hộ gia đình bà B là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng:

Hộ gia đình bà Phạm Thị B đã được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013, nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019 ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định số 39/2014 ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà B là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo yêu cầu hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng.

[5] Xét kháng cáo đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Việc xác nhận số nhân khẩu để hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do Ủy ban nhân dân thành phố B và cơ quan làm công tác đền bù, giải tỏa là Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B có trách nhiệm thực hiện. Theo qui định tại điểm c khoản 4 Điều 3 Thông tư số

33/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì các cơ quan trên có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị xác nhận đến UBND cấp xã để xác định hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Tòa án sơ thẩm xác định nghề nghiệp của từng người trong hộ bà B là không đúng qui định trên tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Tòa án sơ thẩm quyết định chỉ hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với một nhân khẩu trong hộ bà Phạm Thị B là không đúng.

Do đó, kháng cáo của bà B về nội dung yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Phạm Thị B theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà B; sửa bản án sơ thẩm.

[7] Bà Phạm Thị B không phải chịu án phí phúc thẩm, bà B là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị B;

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 136/2023/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 76, Điều 84, Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B.

- Hủy một phần Quyết định số 4654/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (bên cạnh nhà máy bia và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh 6ha (đợt 3) đối với hộ bà Phạm Thị B.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất đối với

hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Phạm Thị B theo quy định của pháp luật.

- Hủy toàn bộ Công văn số 32/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Phạm Thị B.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị B được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

- Ủy ban nhân dân thành phố B; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B mỗi đơn vị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Phạm Thị B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự